

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NÔ
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/HNGĐ-ST
Ngày 18 - 8 - 2020
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Tím.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hồ Quang Hiến và ông Nguyễn Quang Châu.
- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Nguyệt Bun, cán bộ TAND huyện Krông Nô.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa:* Ông Nông Quốc Hùng, chức vụ: Kiểm sát viên.

Mở phiên tòa ngày 18 tháng 8 năm 2020, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Krông Nô tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 34/2020/TLST-HNGĐ, ngày 20/02/2020, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐXXST-DS, ngày 06/7/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2020/QĐST – DS, ngày 28/7/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1992. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn 3, thị trấn T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1988. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn J, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/02/2020 (nộp trực tiếp tại Tòa án ngày 14/02/2020) quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Th trình bày:

Chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Đình T chung sống như vợ chồng từ năm 2010 đến năm 2011 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện K. Anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, vợ chồng không có sự hòa hợp, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau. Từ năm 2018 đến nay anh chị đã không còn chung sống với nhau. Trong thời gian đó vợ chồng có tìm cách hàn gắn nhưng không thể đoàn

tự được, thỉnh thoảng anh T xuống thăm con còn công việc của ai người đó làm. Nay xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm yêu thương dành cho nhau không còn, chị Th giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh T.

Về yêu cầu nuôi con chung: Chị Th có nguyện vọng trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Đình B, sinh ngày 12/12/2010 và Nguyễn Đình Bảo A, sinh ngày 24/3/2013 đến tuổi trưởng thành. Chị Th không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung: Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 18/3/2020, bị đơn anh Nguyễn Đình T trình bày:

Anh T công nhận mối quan hệ hôn nhân của anh chị đúng như lời trình bày của chị Th. Trong thời gian chung sống anh chị không có mâu thuẫn gì. Đến năm 2018 do chị Th có tình cảm yêu thương người khác nên chị Th đã đưa hai con chung bỏ đi, trong khoảng thời gian không chung sống với nhau anh T tìm cách níu kéo tình cảm vợ chồng, mong muốn đoàn tụ gia đình nhưng chị Th không về, anh còn yêu thương chị Th, anh mong muốn các con của anh có một gia đình trọn vẹn, hạnh phúc nên anh không đồng ý ly hôn.

Quá trình Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đưa vụ án ra xét xử đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Đình T, tại phiên tòa anh Nguyễn Đình T vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa; tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các trình tự thủ tục quy định; Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Th ly hôn với anh Nguyễn Đình T.

Về yêu cầu nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Đình B, sinh ngày 12/12/2010 và Nguyễn Đình Bảo A, sinh ngày 24/3/2013 cho chị Nguyễn Thị Th trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Chị Th không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Về yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung: Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Th chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả thẩm tra công khai các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, yêu cầu nuôi con chung nên quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Bị đơn là anh Nguyễn Đình T có nơi cư trú tại thôn T, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về tố tụng: Tại biên bản xác minh ngày 08/7/2020, bà Lê Thị L là mẹ đẻ anh Nguyễn Đình T cho biết, anh T đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã N, huyện K, mặc dù anh T đã tách hộ khẩu nhưng thực tế từ khi kết hôn với chị Nguyễn Thị Th cho đến nay anh T vẫn sinh sống cùng với gia đình bà L, anh T đi làm khoai, lúa, mì ở khu vực đèo 25 thuộc xã N, huyện K, khi Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng bà L là người nhận thay và thông báo cho anh T được biết. Vì không muốn ly hôn nên anh T không đến Tòa án làm việc. Như vậy việc anh T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định, tại phiên tòa anh T vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh Nguyễn Đình T.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Đình T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2010 trên tinh thần tự nguyện, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông ngày 22/6/2011. Đây là hôn nhân hợp pháp, kết hôn đúng theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình quy định về tình nghĩa vợ chồng:

“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.

Chị Th cho rằng anh chị thường xuyên mâu thuẫn do không có sự hòa hợp, đồng cảm, chia sẻ, không có sự yêu thương, chăm sóc cho nhau. Anh T thì cho rằng trong cuộc sống vợ chồng anh chị không có mâu thuẫn gì, do chị Th có quan hệ yêu đương với người đàn ông khác nên chị Th cùng 02 con tự bỏ nhà đi. Trong thời gian không chung sống anh tìm cách níu kéo tình cảm, hàn gắn hạnh phúc, mong muốn đoàn tụ nhưng chị Th không đồng ý với nguyện vọng của anh.

Tại biên bản xác minh ngày 16/6/2020 tại thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông thì địa phương không nhận được yêu cầu bảo vệ cũng như giải quyết mâu thuẫn nào từ phía chị Th, anh T, tuy nhiên từ 02 năm nay anh chị đã không còn chung sống với nhau, chị Th bỏ đi và các con chung do chị Th nuôi dưỡng.

Hội đồng xét xử xét thấy, vợ chồng chung sống để có được hạnh phúc gia đình phải dựa trên sự yêu thương, tôn trọng, phải chung sống với nhau để cùng nhau quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, phải có sự hòa hợp, chia sẻ với nhau mọi vấn đề trong cuộc sống, việc chị Th và anh T bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, không quan tâm, chăm sóc, chia sẻ với nhau, anh chị lại không chung sống với nhau, không tìm cách hàn gắn hạnh phúc khiến cả hai bị tổn thương. Điều này cho thấy hôn nhân giữa chị Th và anh T không thể hàn gắn được, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Th ly hôn anh Nguyễn Đình T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2]. Về yêu cầu con chung: Tại biên bản ghi nhận ý kiến của con chưa thành niên ngày 21/4/2020, con chung Nguyễn Đình B, sinh ngày 12/12/2010 và Nguyễn Đình Bảo A, sinh ngày 24/3/2013 có nguyện vọng được ở cùng với chị Nguyễn Thị Th.

Khoản 1, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật này, Bộ luật dân sự và các luật khác có liên quan.

2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.”

Hội đồng xét xử xét thấy anh T mong muốn đoàn tụ, chị Th có nguyện vọng trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung đến tuổi trưởng thành. Các con chung của anh chị lại mong muốn được ở cùng với chị Th. Tại biên bản xác minh ngày 16/6/2020 cũng thể hiện hai con chung của anh chị sống cùng với chị Th kể từ thời điểm chị Th không sống chung với anh T. Các cháu còn nhỏ, anh T lại thường xuyên đi làm xa nhà vì vậy việc giao con chung cho chị Th trông nom, chăm sóc sẽ đảm bảo hơn và cũng là phù hợp với nguyện vọng muốn được ở cùng mẹ của các cháu. Vì vậy cần giao con chung Nguyễn Đình B, sinh ngày 12/12/2010 và Nguyễn Đình Bảo A, sinh ngày 24/3/2013 cho chị Nguyễn Thị Th trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Chị Th không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn anh Nguyễn Đình T và chị Nguyễn Thị Th có các quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung theo quy định tại các Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.3]. Về yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung: Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Th.

a. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Th được ly hôn với anh Nguyễn Đình T.

b. Về yêu cầu nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Đình B, sinh ngày 12/12/2010 và Nguyễn Đình Bảo A, sinh ngày 24/3/2013 cho chị Nguyễn Thị Th trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Chị Th không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn anh Nguyễn Đình T và chị Nguyễn Thị Th có các quyền, nghĩa vụ sau:

- Quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chưa thành niên theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

- Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

- Quyền yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình.

c. Về yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung: Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí mà chị Nguyễn Thị Th đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông theo biên lai số 0002877/BL-THA, ngày 18/02/2020.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Krông Nô (02 bản);
- Chi cục THADS H. Krông Nô;
- UBND xã Nâm Nung;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Tím